



Tại sao phải nghiên cứu triết học pháp luật? Một vài suy ngẫm về giảng dạy triết học pháp luật¹

Bjarne Melkevik*

*Khoa Luật, Đại học Laval, Tòa nhà Charles-De Koninck
1030 Đại lộ Sciences-Humaines, thành phố Québec, Tỉnh Québec, Canada*

Ngày nhận 5 tháng 8 năm 2018

Chỉnh sửa ngày 14 tháng 9 năm 2018; Chấp nhận đăng ngày 28 tháng 9 năm 2018

Tóm tắt: Vị trí, vai trò của triết học pháp luật luôn là một vấn đề thường xuyên được bàn luận và có ảnh hưởng sâu rộng tới nhận thức và quan điểm của các nhà nghiên cứu, giảng viên đại học và chuyên gia pháp lý tại các quốc gia phương Tây. Trên cơ sở đánh giá lại một số quan điểm hiện nay về tầm quan trọng của triết học pháp luật, bài viết phân tích vai trò của triết học pháp luật trong việc góp phần vào việc xây dựng pháp luật hiện đại.

Từ khóa: Triết học pháp luật, giảng dạy pháp luật, pháp luật hiện đại, pháp luật và dân chủ.

Sinh viên chuyên ngành luật sẽ hỏi: “Tại sao lại chọn môn triết học pháp luật?” khi thấy môn này trong danh sách các môn học. Người học có lí do khi để đặt ra các câu hỏi như: triết học pháp luật mang lại gì cho luật học và cho bản thân người học? Có lí do gì để quan tâm tới môn học này? Tại sao lại nên học triết học pháp luật...

Những câu trả lời dưới đây đúc rút từ chính kinh nghiệm giảng dạy triết học pháp luật, và cũng phần nào phản ánh quan niệm của tác giả về pháp luật [1]. Hai vấn đề này liên quan mật thiết với nhau như hai mặt của một tờ giấy. Quan niệm của nhà nghiên cứu về triết học

pháp luật và vai trò của triết học pháp luật phải được thể hiện trong giảng dạy môn học này.

1. Sự ngờ vực đối với triết học pháp luật

Chúng tôi cho rằng, trước khi trả lời một cách cụ thể các câu hỏi vừa đặt ra, cần phải phân tích kỹ càng các phản bác hoặc ngờ vực của giới luật học đối với triết học pháp luật. Sự phản bác, ngờ vực này được các luật gia truyền sang cho sinh viên như một điều “ma mị”.

Mặc dù hiện tượng nghi kỵ đối với triết học pháp luật gần đây có vẻ giảm bớt, cùng với xu thế phục hồi của triết học pháp luật trong đời sống pháp lý, nhưng vẫn còn đó trong giới luật những trở ngại của hàng thập niên không hiểu hoặc hiểu sai về triết học pháp luật. Có hai nguyên nhân lí giải cho sự chối bỏ này. Thứ nhất, người ta coi triết học pháp luật như một

*ĐT.: 84-81-418656 2131

Email: Bjarne.Melkevik@fd.ulaval.ca

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4153>

¹Dịch giả: Lý Văn Anh - Khoa Luật Quốc tế, Học viện Ngoại giao.

thứ “lí tính chỉ huy” (*Raison-Ordonnatrice*) nguy hại và vì thế bác bỏ nó; thứ hai, người ta coi triết học pháp luật là thứ hoàn toàn vô tích sự trước những đòi hỏi của pháp luật đương đại, và lập luận rằng các cách tiếp cận “khoa học” tỏ ra hữu ích hơn.

Trong số các luật gia bác bỏ triết học pháp luật vì coi đó là một thứ “lí tính chỉ huy” nguy hại, thì tiêu biểu nhất chính là giáo sư triết học pháp luật Michel Villey [2]. Ông đã từng khẳng định:

“Tôi tin rằng các triết gia hiện đại đã gây ra rất nhiều phiền toái cho các luật gia. Tôi muốn nói tới Hobbes, Locke, Hume, và thậm chí cả Leibniz, Kant, Fichte, Hegel và hầu hết các triết gia của thế kỷ XIV và thế kỷ XX. Khi các triết gia này nói về “pháp luật”, họ hoàn toàn không hiểu gì về đặc thù của pháp luật. Cái mà họ biết là gì? Là toán học, xã hội học ít nhiều mang dấu ấn của thuyết tiến hóa, lô gic học, và cả đạo đức học. Trên cơ sở đó, họ lồng ghép vào luật học những kiến thức khoa học được tạo nên từ những kinh nghiệm ngoài ngành. Ảnh hưởng của những người này làm đảo lộn sự hiện diện của chúng ta, thông qua việc đưa vào luật học chủ nghĩa thực chứng pháp lí hoặc xã hội học” [3].

Mặc dù Villey chỉ giới hạn ở việc chê bai triết học “hiện đại”, cũng như cố gắng lập luận bằng cách gắn triết học pháp luật hiện đại với sự nổi lên của chủ nghĩa thực chứng pháp lí, nhưng tác giả cũng đã chỉ trích một cách thẳng thừng sự thiếu hiểu biết về pháp luật của các triết gia này. Bởi vì, nếu nhà triết học pháp luật hiện đại thường nắm rất rõ các vấn đề thời cuộc và các khía cạnh pháp luật liên quan, cũng như có thể họ đã nghiên cứu các tác phẩm kinh điển về “pháp luật tự nhiên” duy lí, thì không ai trong số họ thực sự có kiến thức chuyên môn về nghề luật. Đây là điểm mà họ bị chỉ trích. Khi đọc các tác phẩm của Villey, chúng ta thấy rõ rằng, ông muốn khuyên công chúng không nên học triết học pháp luật hiện đại. Theo ông, người ta không thể học được gì từ những thứ ngớ ngẩn, và cũng chẳng thể thu nạp được kiến thức từ những người thiếu hiểu biết hoặc từ chính sự thiếu hiểu biết về ngành luật [4].

Đối với một số người khác, triết học pháp luật đối với giới luật học chỉ là thứ vô bổ, không hiệu quả, thậm chí là phản tác dụng. Nhưng không ai dám công khai bác bỏ cách tư duy triết học đối với pháp luật. Thay vào đó, họ lập luận rằng triết học pháp luật không đem lại được gì hơn ngoài những thứ mà các ngành khoa học pháp lí khác đã mang lại. Những thứ mà khoa học pháp lí không mang lại chỉ có thể là những suy đoán thuần túy không có tương lai hoặc niềm tin siêu hình của những người khởi xướng ra chúng. Các tác giả này cho rằng, mặc dù không ai phản đối điều này, nhưng phải nói rõ ra rằng: các ngành khoa học pháp lí cần phải nắm giữ một cách đường đường chính chính vị trí mà triết học pháp luật bỏ lại. Cũng vẫn theo các tác giả này, triết học pháp luật phải được xem là một thú vui, hay là một hoạt động tinh thần mà mỗi người có thể thực hiện theo cách của mình, tùy vào mức độ đọc và trao đổi với đồng nghiệp. Một hoạt động giải trí mà họ có thể làm vào ngày nghỉ, hoặc thậm chí khi về hưu. Tóm lại, thời hoàng kim của triết học pháp luật đã qua, bây giờ là thời đại của các ngành khoa học pháp lí.

Ở đây, chúng tôi chỉ nêu ra thực tế chứ không định đánh giá hay bình luận về hai hình thức phản bác, ngờ vực đối với triết học pháp luật. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng, những phản bác này là hệ lụy của một thời kỳ mà triết học pháp luật, tự coi mình là ngành khoa học mẹ, đã khước từ đối thoại với giới luật, những người vốn rất mạnh về kinh nghiệm thực tiễn, và sự gia tăng va chạm giữa các ngành khoa học pháp lí. Điều này hiện nay là không thể, vai trò của triết học pháp luật đã bị chiết giảm chỉ còn là bình luận các tác phẩm cổ điển hay một bài luận về ngữ nghĩa và “hệ thống” mất thời gian. Dù thế nào đi chăng nữa, tổng hợp cả hai hình thức phản bác/ ngờ vực đối với triết học pháp luật, chúng ta có thể thấy rằng chúng phản ánh một cách vắn tắt, theo cách riêng của mình, hiện trạng giảng dạy triết học pháp luật. Tất nhiên vẫn có những người say mê triết học pháp luật. Với họ, triết học pháp luật, đặc biệt trong các trường luật, cần vượt qua định kiến ngờ vực của các luật gia luôn chống lại các diễn ngôn mà họ

cho là rỗng tuếch và vô nghĩa, và chứng minh rằng môn học này có thể đem lại một điều gì đó hữu ích và độc đáo cho pháp luật.

2. Triết học pháp luật với vai trò đồng hành

Quay trở lại với các câu hỏi đặt ra ở đầu bài viết, chúng tôi sẽ chứng minh quan điểm đặt triết học pháp luật vào vị trí của người đồng hành (hay vai trò đồng hành) trong đề án pháp luật hiện đại, về phương diện lí luận [5]. Do đó, giảng dạy triết học pháp luật phải nêu bật được vai trò này, cũng như những hệ lụy có tính thực tiễn.

Quan niệm giảng dạy triết học pháp luật trước hết đóng vai trò đồng hành cho đề án pháp luật sẽ cho phép loại bỏ mọi tư duy mang tính “chỉ huy”, cả trên phương diện triết học lẫn phương diện pháp luật. Trên thực tế, nếu triết học pháp luật theo quan niệm của đa số các triết gia chuyên nghiệp đề cao “lí trí chỉ huy” (*Raison-Ordonnatrice*) và các hình thức “pháp luật - tư biện” (*Idéo-Droit*) tương ứng, triết học pháp luật do các luật gia xây dựng có thể được coi là dựa trên tư tưởng “kinh nghiệm chỉ huy” (*Exxpérience-Ordonnatrice*), với các hình thức “pháp luật - hiện thực” (*Vrai-Droit*) tương ứng. Hơn nữa, nhóm quan điểm thứ hai này cũng không còn muốn bị gọi bằng cái tên “triết học pháp luật” (*philosophie du droit*) nữa, mà chuyển sang dùng tên gọi “triết học pháp lí” (*philosophie juridique*). Thế nhưng, dù chúng ta có thể đánh giá cao sự đối đầu giữa hai luồng tư tưởng này (dù sao thì cạnh tranh cũng có cái lợi), thì cũng phải thấy rằng bất cứ thứ triết học pháp luật nào muốn giành cho mình vị trí độc tôn của người “chỉ huy” đều không thể có được một sự đối thoại nghiêm túc với pháp luật thực định và theo chiều hướng dân chủ. Chúng tôi cho rằng dân chủ phải là đặc trưng của pháp luật hiện nay.

Chúng ta phải chấp nhận thực tế rằng triết học pháp luật không còn có thể tự cho mình vai trò làm sáng tỏ pháp luật, vì pháp luật tự thân nó đã đủ sáng tỏ. Chúng ta cũng phải chấp nhận rằng triết học pháp luật không hề có bất cứ “sự

thông thái” hay “hiểu biết” nào có thể đóng góp “một cách thực chất” vào bất cứ thứ gì thuộc về pháp luật hiện đại. Như vậy, nếu triết học pháp luật chấp nhận từ bỏ vị trí “chỉ huy” của mình, môn học này chỉ còn có thể đóng vai trò đồng hành cho đề án pháp luật, nói một cách chính xác, là đồng hành suy ngẫm, lập luận và lí lẽ tạo nền tảng cho đề án pháp luật.

Chúng tôi cho rằng, giảng dạy triết học pháp luật phải thấm nhuần tư tưởng sau: triết học pháp luật không mang lại câu trả lời cụ thể cũng như công thức, mà chỉ tham gia vào quá trình tư duy về sự phức tạp của pháp luật đương đại, chứ không biến quá trình này thành của mình cũng như không gán ghép những gì thuộc về mình. Nếu chúng tôi đúng, thì triết học pháp luật chỉ còn là một hoạt động tranh luận mà việc công bố các nghiên cứu chỉ là kết quả của hoạt động này.

Trên thực tế, vai trò mà chúng ta có thể dành cho triết học pháp luật hiện nay, cũng như giảng dạy triết học pháp luật, đó là dẫn dắt sự phát triển các lập luận và lí lẽ trong pháp luật. Theo hướng đó, triết học pháp luật phải giúp chúng ta gợi mở và lan tỏa niềm tin, giá trị và quan niệm sẵn có của chúng ta. Triết học pháp luật phải dẫn dắt chúng ta trong tiến trình phát triển các lập luận đúng và các lí lẽ “có trọng lượng”. Nói một cách chính xác, triết học pháp luật cần giúp nhận diện các hàm số văn hóa hay triết học mấu chốt trong lĩnh vực này. Trên thực tế, triết học pháp luật phải cho phép chúng ta làm quen với các quan niệm khác nhau trong mỗi quan hệ giữa pháp luật và “đạo đức”, giữa xã hội và cá nhân, hay giữa các chủ đề khác. Theo cách này, triết học pháp luật không bàn về các phẩm chất mang tính hình thức của pháp luật mà chỉ dẫn dắt quá trình tư duy về những triển vọng của đề án pháp luật hiện đại.

Chính nhờ vào lập luận và lí lẽ mà triết học pháp luật có thể tự mở cửa bước vào thế giới hiện thực. Tuy nhiên, điều này khó mà thực hiện một cách trực tiếp vì rất tiếc là triết học pháp luật không thể tiếp cận trực tiếp với hiện thực, mà phải thông qua đối thoại với các ngành khoa học khác, đặc biệt là khoa học pháp lí. Vai trò của

khoa học pháp lý chính là cung cấp thông tin thực tế để triết học pháp luật có thể giúp thúc đẩy tư duy về pháp luật hiện đại. Chủ nghĩa Kant, mà Hans Kelsen là đại diện tiêu biểu, đã làm suy yếu vai trò của triết học trong pháp luật hiện đại với việc trói buộc pháp luật hiện đại trong một khuôn khổ thuần túy bằng cách từ chối chấp nhận niềm tin chính trị, xã hội, đạo đức và tôn giáo của cá nhân, mà điều này có lẽ đi ngược với tư tưởng của chính Kant [6].

Thế nhưng chỉ cần từ bỏ vai trò chỉ huy của triết học pháp luật, chúng ta sẽ thấy rằng sự đối thoại với các ngành khoa học không phải là sự “lùi bước” mà đó chính là bản chất của mọi sự vật.

Tương tự như vậy, triết học pháp luật phải giúp tách biệt với chủ nghĩa thực chứng pháp luật. Thậm chí, có thể nói rằng điều tối quan trọng đối với giảng dạy triết học pháp luật là phải chỉ ra cho thấy môn học này không phải là để phục vụ cho pháp luật “thực định”, mà là cho việc định hình pháp luật tương lai. Thực vậy, chủ nghĩa rút gọn (*réductionnisme*) đặc trưng cho pháp luật thực chứng khiến người ta quên đi rằng thực ra các vấn đề pháp luật chính là liên quan tới các quyền mà chúng ta trao cho nhau và trao cho chính bản thân. Luật pháp mang tính quy phạm, bởi vì các quyền này được quy định dưới hình thức bắt buộc (“*devoir-être*”), biến chúng ta trở thành những người vừa tạo ra vừa tiếp nhận các quyền đó.

Có thể thấy rằng, các Tòa án tối cao Canada, Hoa Kỳ và một số nước khác ngày càng có xu hướng tham khảo các quan điểm triết học pháp luật, cũng như tác phẩm của các giáo sư triết học pháp luật, và các quan điểm này chỉ là xuất phát điểm cho quá trình tư duy về triết học pháp luật [7]. Chúng ta sẽ khuyến khích được tư duy phê phán của sinh viên nếu có thể chỉ cho họ thấy tư duy triết học pháp luật ảnh hưởng như thế nào đối với các tòa án nói trên và tác động thế nào tới quá trình xét xử. Tuy nhiên, các thẩm phán, với các quan điểm của họ về nạo phá thai, về chết tự nguyện, về quyền của các dân tộc bản địa, cũng như nhiều vấn đề khác, không phải là “đại diện cuối cùng”

[8]. Nếu triết học pháp luật phải tuân theo mạch hiện thực pháp lý ngày nay, và đặc biệt là về mặt án lệ, hiện thực pháp lý không thể được coi là “nền tảng” của các quan điểm triết học pháp luật. Các thẩm phán không thể được xem là các triết gia pháp luật, như nhiều triết gia luật đương đại vẫn ngậm tưng hồ một cách mù quáng (Dworkin) [9], mà họ chỉ có thể là những người đối thoại quan trọng của chúng ta - những người vừa là chủ thể vừa là đối tượng hướng tới của các quyền.

3. Triết học pháp luật và vai trò của công luận

Nếu như chúng tôi quan niệm rằng triết học pháp luật phải được giảng dạy và được hiểu với vai trò người đồng hành cho các lập luận và lí lẽ kỹ càng và rõ ràng về đề án pháp luật, điều đó cũng có nghĩa là triết học pháp luật phải từ bỏ vị trí “tháp ngà” và mở rộng đường cho công luận. Thực vậy, triết học pháp luật cần từ bỏ mọi tham chiếu tới “triết học tư biện” (Kant, Fichte et Hegel), bởi đánh giá của riêng một người về đề án pháp luật thì không mấy giá trị. Nếu nhìn từ phương diện lập luận, triết học pháp luật phải được coi là một bên trong tranh luận về đề án pháp luật hiện đại. Nói một cách cụ thể, triết học pháp luật phải chấp nhận đưa các lập luận và lí lẽ của mình ra thảo luận công khai. Chính nhờ đó mà “trọng lượng” và “giá trị” của mỗi lập luận và mỗi lí lẽ sẽ được xem xét và đánh giá theo quan điểm và hiểu biết của tất cả mọi người.

Cũng nhờ đó mà chúng ta mới có thể suy ngẫm về tính hợp lí và các mức độ hợp lí khác nhau của đề án pháp luật. Theo quan điểm riêng của chúng tôi, tính hợp lí về mặt “truyền tải” phải được đặt lên hàng đầu [10]. Trên thực tế, khi coi việc đưa ra lập luận và lí lẽ như một yếu tố chủ chốt của đề án pháp luật, triết học pháp luật đồng hành một cách thực tế với đề án pháp luật bằng việc chứng minh rằng tính hợp lí về mặt thực tế của đề án pháp luật đã được kiểm nghiệm qua tranh biện rộng rãi. Tranh biện rộng rãi chính là sự tương tác thực tế giữa người với người về các chủ đề pháp

luật, giúp định hình các lập luận và lí lẽ, và từ đó trình bày với người nghe để được đánh giá và công nhận.

Bằng việc nhấn mạnh tới vai trò của tranh luận rộng rãi trong giảng dạy, chúng tôi muốn cho sinh viên làm quen với việc trong ngành luật, công chúng là đối tượng mà họ phải hướng tới. Sinh viên phải hiểu rằng công chúng đóng vai trò cực kỳ quan trọng để phát triển và duy trì sự hình thành ý chí và quan điểm về đề án pháp luật hiện đại. Bởi vì pháp luật được xây dựng bởi chính “chúng ta”, ngôi thứ nhất số nhiều, bản thân giảng dạy triết học pháp luật phải được cụ thể hóa thông qua các thảo luận và diễn ngôn mang tính phê phán liên quan tới công chúng và sự hình thành ý chí và lí lẽ một cách hợp lí.

4. Hướng tới một quan niệm dân chủ về pháp luật

Triết học pháp luật với tư cách là nguồn của các lập luận đúng hay lí lẽ sáng suốt tự thân nó đã là một quan điểm triết học. Ngay từ đầu chúng ta đã thừa nhận điều này, bởi vì giảng dạy triết học pháp luật, bản thân nó, xuất phát từ quan niệm về pháp luật và liên quan mật thiết tới điều này. Nhưng trên hết, cuối cùng chúng ta vẫn cần trả lời cho câu hỏi mà đến nay vẫn lẩn quẩn trong đầu, đó là: “Giảng dạy triết học pháp luật nhằm mục đích gì?”. Phần cuối của bài viết này, do vậy, sẽ tập trung nói tới niềm tin của chúng tôi về việc giảng dạy một quan niệm dân chủ về pháp luật.

Để hiểu về quan niệm dân chủ về pháp luật, có lẽ trước hết phải nhấn mạnh rằng quan niệm này khác với quan niệm “đạo đức tự do” (*moralité libérale*) về pháp luật vẫn đang được giảng dạy tại các trường luật ở Bắc Mỹ. Quan niệm “đạo đức tự do” là một trường phái triết học pháp luật tự đánh đồng với niềm tin vào sự tồn tại tiền chính trị của một nhóm các nguyên tắc và quy phạm nền tảng, cũng như niềm tin theo đó tư duy về pháp luật phải dựa trên giả định một số “quyền mang tính đạo đức” có thể vừa bảo đảm tự do cá nhân (được làm những

điều không bị cấm) vừa kiểm soát được hoạt động tập thể. Giảng dạy triết học pháp luật tại Bắc Mỹ đã luôn định hướng theo một niềm tin như vậy. Thứ niềm tin này được biểu hiện rõ qua các tuyên bố về niềm tin trong các “thể chế” tự do. Không phủ nhận là chúng tôi coi một triết gia pháp luật như Ronald Dworkin, và đặc biệt là qua cuốn sách gần đây nhất của ông là *Luật của tự do (Freedom's Law)*, chính là đại diện tiêu biểu cho kiểu quan niệm này [11]. Kết quả là giảng dạy triết học pháp luật đã trở thành phương tiện để thúc đẩy người ta tin tưởng vào các Thể chế “của chúng ta”. Hơn nữa, giảng dạy triết học pháp luật còn đào tạo ra những con người tin tưởng rằng dân chủ chỉ là phương tiện, công cụ để truyền bá đạo đức tự do”. Giảng dạy triết học pháp luật do đó tạo ra thêm “đạo đức tự do”, điều mà chúng tôi đánh giá cao, nhưng không vì thế mà nó làm cho con người thoát khỏi địa vị thấp kém, như Kant đã nói [12].

Quan niệm dân chủ về pháp luật mà chúng tôi đề xuất trong giảng dạy triết học pháp luật với mục tiêu nhất định, như chúng tôi đã giải thích, đi theo một hướng khác. Trước hết bởi vì dân chủ, theo như chúng tôi hiểu, tự nó đã mang trong mình giá trị. Trên thực tế, nếu như triết học pháp luật, như Kant đã khẳng định, là lối thoát của con người khỏi xiềng xích của ngoại trị (*hétéronomie*) (các lập luận của quyền lực) để hướng tới sự tự trị (*autonomie*) (các lập luận về lí tính như cá nhân quan niệm), chính sự tự trị này phải vươn lên để chống lại sự ràng buộc của triết học. Nếu tính hiện đại của pháp luật có thể được tóm gọn lại trong đòi hỏi rằng mọi chủ thể pháp luật đều phải có thể coi nhau như là người tạo ra và người tiếp nhận các quyền, các chuẩn mực và các thể chế, thì giảng dạy triết học pháp luật không thể bị bó buộc ở phương diện ngoại trị, một đặc trưng của “đạo đức tự do”, mà còn phải đề cập tới cả tính hiện đại. Triết học pháp luật không thể thay thế cho người tạo ra các quyền, mà phải là người đồng hành. Triết học pháp luật bản thân nó phải phản ánh được mục tiêu dân chủ của đề án pháp luật hiện đại.

5. Kết luận

Tóm lại, bằng cách đặt giảng dạy triết học pháp luật vào trong khuôn khổ của những mối quan tâm đương đại về pháp luật, chúng tôi hi vọng kết hợp được phương diện thực tiễn của pháp luật với khả năng nhìn xa của triết học. Bằng cách này, chúng tôi mong muốn gắn kết, ở một chừng mực nào đó, đề án pháp luật với ý tưởng về một thứ triết học được nhìn nhận như một hình thức thực hành dân chủ.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bjarne Melkevik, *Horizons de la philosophie du droit (Những triển vọng của triết học pháp luật)*, NXB Đại học Laval (Québec) và NXB L'Harmattan (Paris), 1998, trang 13-36.
- [2] Michel Villey (1914 - 1988) là giáo sư triết học pháp luật của trường Đại học Paris 2. Ông cũng là sử gia về luật và là người ủng hộ nhiệt thành cho việc khôi phục luật La Mã để áp dụng cho xã hội hiện đại. Cuốn sách của ông về *Sự hình thành tư duy pháp luật hiện đại (La formation de la pensée juridique moderne)* (Paris, NXB Montchrétien, 1975) hiện nay được coi là cuốn giáo khoa về triết học pháp luật Pháp.
- [3] Michel Villey, "Préface", à Chaïm Perelman, *Le raisonnable et le déraisonnable en droit. Au-delà du positivisme juridique*, Paris, L.G.D.J., vol. XXIX, 1984, p. 8, coll. Bibliothèque de philosophie du droit.
- [4] Alain Renaut, trong *Kant aujourd'hui (Triết học Kant ngày nay)*, Paris, Aubier, 1997, trang 322, chỉ trích cái mà tác giả gọi là "sự khinh thị đối với triết học pháp luật" của Michel Villey.
- [5] B. Melkevik, *Những triển vọng của triết học pháp luật*, tldd, trang 14 và tiếp theo.
- [6] Hans Kelsen, *Théorie pure du droit (Lý thuyết thuần túy về pháp luật)*, Paris, Dalloz, 1962, tuyển tập "Philosophie du droit" (Triết học pháp luật) số 7, hay tương tự, *Théorie pure du droit (Lý thuyết thuần túy về pháp luật)*, Neuchâtel, NXB Baconnière, 1973 (ấn bản đầu tiên), 1988 (tái bản lần 1), tuyển tập Être et Penser, n° 37.
- [7] B. Melkevik, "La philosophie du droit : Développements récents" (Triết học pháp luật : Những tiến triển gần đây), trong cuốn Raymond Klibansky và Josiane Boulad-Ayoub (chủ biên), *La pensée philosophique d'expression française au Canada. Le rayonnement du Québec (Tư tưởng triết học của việc biểu đạt bằng tiếng Pháp ở Canada. Sự tỏa sáng của Québec)*, Québec, Les Presses de l'Université Laval (NXB Đại học Laval), 1998, p. 465-483, được in lại trong cuốn *Philosophie du droit. Volume 1 (Triết học pháp luật. Quyển 1)*, Québec, Les Presses de l'Université Laval, 2010, trang 417 – 432.
- [8] Josiane Boulad-Ayoub (chủ biên), *Carrefour : Philosophie et droit (Ngã tư : Triết học và pháp luật)*, Montréal, L'ACFAS, 1995, trang 231-315, "Langage des droits et conflits desreprésentations ultimes" (Tiếng nói của các quyền và xung đột các biểu tượng cuối cùng) với sự tham gia của L. Bégin, F. Blais, G. Legault et L. Tremblay.
- [9] Ronald Dworkin, *L'empire du droit (Đế chế pháp luật)*, Paris, PUF, 1994, tuyển tập Recherche politique.
- [10] B. Melkevik, *Horizons de la philosophie du droit (Những triển vọng của triết học pháp luật)*, tldd, trang 91-150; in lại trong cuốn *Droit et Agir communicationnel: Penser avec Habermas (Quyền và hành động về mặt truyền đạt: cùng suy ngẫm với Habermas)*, Paris, Buenos Book, 2012.
- [11] Ronald Dworkin, *Freedom's Law (Luật của tự do)*, Cambridge, Massachusset, NXB Đại học Harvard, 1996.
- [12] Emmanuel Kant, trong "Vers la paix perpétuelle, que signifie s'orienter dans la pensée ?" (Hướng tới hòa bình vĩnh viễn, định hướng trong tư duy nghĩa là gì?), *Qu'est-ce que les Lumières et autres textes ("Khải sáng là gì" và các bài viết khác)*, Paris, GF-Flammarion n° 573, 1991.

Why Study Philosophy of Law? Some Thoughts on the Teaching of Philosophy of Law

Bjarne Melkevik

*Faculty of Law, Laval University, Charles-De Konick Pavilion,
1030 Sciences-Humaines Avenue, Québec City, Québec, Canada*

Abstract: The question of the relevance of Philosophy of Law continues to influence the perceptions and attitudes of researchers, academics and professionals involved in the development of the academic and practical standards of the legal profession. By reviewing some of the contemporary views on the relevance of Philosophy of Law, the article argues for an understanding of Philosophy of Law in favour of the legal modernity.

Keywords: Philosophy of Law, law teaching, legal modernity, law and democracy.